TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2024/HC-PT
Ngày 01/4/2024
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Thái
Các Thẩm phán: ông Lê Văn Thường
ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Phương Mai - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** ông Quách Hòa Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 365/2023/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc: *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai"* do Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2023/HC-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 406/2024/QĐPT-HC ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Nguyễn D, sinh năm 1953; địa chỉ: khu dân cư S, thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn D*:* bà Tô H Thế là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Nơi làm việc: Công ty L1; địa chỉ: số B, ngõ A phố C, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chủ tịch UBND huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Ngọc L - Chủ tịch UBND huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: tổ dân phố A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đinh Văn B - Chủ tịch UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

Địa chỉ: xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bà Võ Thị H1, sinh năm 1958; Vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm 1981; Vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Phước H2, sinh năm 1989; Vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Phước T, sinh năm 1991; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: khu dân cư S, thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An. Vắng mặt.

7. Chị Nguyễn Thị Ngọc D1, sinh năm 1980; địa chỉ: số nhà G phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

8. Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn A, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

9. Chị Nguyễn Thị Diễm P, sinh năm 1987; địa chỉ: khu dân cư S, thôn C, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

- Người kháng cáo: người khởi kiện ông Nguyễn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà người khởi kiện trình bày:

Vào năm 1993, gia đình tôi có 09 nhân khẩu được Hợp tác xã nông nghiệp (Viết tắt là HTXNN) Thạch Thang giao đất cho gia đình tôi để phục vụ sản xuất nông nghiệp, đến ngày 22/9/2014, tôi được Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt là GCNQSDĐ) số: BV333330, số cấp giấy chứng nhận QSD đất: CH0788, diện tích 782m^2, tại thửa đất số 256, tờ bản đồ số 30 do ông Phạm Thanh T1, Chủ tịch UBND huyện M ký và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 333331, số vào sổ CH.00789, cấp ngày 22/9/2014 do ông Phạm Thanh T1, Chủ tịch UBND huyện ký Giấy chứng nhận; Từ đó đến nay gia đình tôi đang sử dụng và canh tác.

Đến năm 2020, UBND xã Đ có nhu cầu mở đường giao thông qua nhiều lô đất, trong đó có lô đất của tôi. Trong khi đó các gia đình khác được nhận tiền thu hồi đất như hộ ông N1, hộ bà N2, riêng gia đình tôi không được nhận tiền thu hồi đất. Bức xúc quá nên tôi làm đơn yêu cầu cấp xã và huyện xem xét giải quyết nhưng thời gian trôi qua tôi cũng không nhận được tiền hỗ trợ; ngược lại

Chủ tịch UBND huyện ông Phạm Ngọc L ký Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tôi. Lý do thu hồi: Cấp không đúng nguồn gốc sử dụng đất, chưa đảm bảo quy định. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Tôi thấy Quyết định trên chưa thỏa đáng, tôi tiếp tục khiếu nại lần 3 vào ngày 12/8/2021 gởi lên UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh và đơn của tôi được Thanh tra tỉnh trả lại đơn và hướng dẫn cho tôi tại Công văn số 596/TTT-VP, ngày 24/8/2021. Tiếp theo ngày 01/10/2021 tôi có đơn khiếu nại về việc Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định 164/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tôi; Chủ tịch UBND huyện M không giải quyết vụ việc mà tiếp tục ban hành Quyết định số 196/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 333331, số vào sổ CH.00789, cấp ngày 22/9/2014 do ông Phạm Thanh T1, Chủ tịch UBND huyện ký Giấy chứng nhận; lý do thu hồi: Cấp không đúng nguồn gốc sử dụng đất.

Tôi tiếp tục khiếu nại, đến ngày 29/12/2021 Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định số 18639/QĐ-UBND, quyết định về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn D, nội dung không công nhận khiếu nại của ông Nguyễn D.

Ngày 24/02/2022, tôi gởi đơn khiếu nại lần 4 lên Chủ tịch UBND tỉnh và Thanh tra tỉnh Quảng ngãi, ngày 03/3/2022 UBND tỉnh có Công văn số 885/UBND-NC về việc tham mưu xử lý đơn khiếu nại của công dân và Thanh tra tỉnh có Công văn số 432/TTT-VP chuyển về UBND huyện M xem xét giải quyết theo Luật khiếu nại năm 2011.

Ngày 20/6/2022, UBND huyện M có Công văn số 682/UBND-TCD giao nhiệm vụ cho Cơ quan UBKT-Thanh tra huyện, thời gian hoàn thành trước ngày 30/6/2022.

Ngày 27/6/2022, Ban D3, đối thoại với nhân dân xã Đ, đề nghị UBND huyện xem xét và trả lời cho công dân.

Kể từ 24/02/2022 đến nay tôi cũng chưa được giải quyết và chờ đợi.

Qua việc kết luận của Chủ tịch UBND huyện M như trên là chưa khách quan, gây thiệt hại cho gia đình tôi, tôi thấy quá oan ức, quá bức xúc, nay tôi làm đơn khởi kiện này kính gửi lên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thụ lý giải quyết và yêu cầu Tòa án hủy:

- Hủy nội dung các Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn D. Lý do thu hồi: Cấp không đúng nguồn gốc sử dụng đất, chưa đảm bảo quy định;

- Hủy Quyết định số 196/QĐ-UBND, ngày 25/10/2021 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 333331, số vào sổ CH.00789, cấp ngày 22/9/2014. Lý do thu hồi: Cấp không đúng nguồn gốc sử dụng đất.

- Hủy Quyết định số 18639/QĐ-UBND, ngày 29/12/2021 về giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn D của Chủ tịch UBND huyện M.

Tại Văn bản số 1816/UBND-KT ngày 19/12/2022, số 414/UBND-KT ngày 04/4/2023 và 1013/UBND-KT ngày 14/7/2023, người bị kiện UBND, Chủ tịch UBND huyện M ***trình bày:***

Thửa đất số 256, tờ bản đồ số 30, diện tích 782m^2, loại đất BHK và thửa đất số 759, tờ bản đồ số 28, diện tích 988m^2, loại đất LUC có nguồn gốc là do HTXDVNN Thạch Thang cho gia đình ông Nguyễn Dậu m từ năm 2000 để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, hiện nay thuộc quỹ đất công ích (đất 5%) do UBND xã Đ quản lý theo Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc tăng cường công tác quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND xã quản lý sử dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Nguyễn D cho rằng thửa đất số 256, tờ bản đồ số 30, diện tích 782m^2, loại đất BHK và thửa đất số 759, tờ bản đồ số 28, diện tích 988m^2, loại đất LUC là do HTXDVNN Thạch Thang giao cho gia đình ông sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp sau khi thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ, kết quả xác minh ông Nguyễn D không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về nguồn gốc đất là do HTX giao cho gia đình ông sử dụng. HTXDVNN Thạch Thang khẳng định thửa đất số 256, tờ bản đồ số 30, loại đất BHK và thửa đất số 759, tờ bản đồ số 28, loại đất LUC là do HTX cho gia đình ông Nguyễn Dậu m để sản xuất nông nghiệp, không phải đất giao theo Nghị định 64/CP của Chính phủ cho gia đình ông Nguyễn D.

Năm 2014, ông Nguyễn D kê khai và được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 333330, số vào sổ CH.00788, cấp ngày 22/9/2014 cho hộ ông Nguyễn D, tại thửa đất số 256, tờ bản đồ số 30 (bản đồ đo vẽ năm 2004), diện tích 782m^2, loại đất BHK.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 333331, số vào sổ CH.00789, cấp ngày 22/9/2014 cho hộ ông Nguyễn D, tại thửa đất số 759, tờ bản đồ số 28 (bản đồ đo vẽ năm 2004), diện tích 988m^2, loại đất LUC.

Tuy nhiên, qua kiểm tra, rà soát cho thấy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn D vào ngày 22/9/2014 là không đúng quy định, bởi vì: Thửa đất số 256, tờ bản đồ số 30 và thửa đất số 759, tờ bản đồ số 28 có nguồn gốc là do HTXDVNN Thạch Thang cho gia đình ông Nguyễn Dậu m để sản xuất nông nghiệp nhưng khi xác lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND xã Đ lại xác nhận nguồn gốc đất là "Đất giao theo Nghị định 64/CP của Chính phủ" là không đúng nguồn gốc sử dụng đất. Mặc khác, ông Nguyễn D cho biết từ trước đến nay ông không kê khai đăng ký quyền sử dụng đất nhưng UBND huyện lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông vào ngày 22/9/2014 là chưa đảm bảo quy định pháp luật. Từ những sai sót nêu trên, UBND xã Đ đã đề nghị UBND huyện ban hành Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 333330, số vào sổ CH.00788, cấp ngày 22/9/2014 cho hộ ông Nguyễn D tại thửa

đất số 256, tờ bản đồ số 30, diện tích 782m^2, loại đất BHK và Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 333331, số vào sổ CH.00789, cấp ngày 22/9/2014 cho hộ ông Nguyễn D tại thửa đất số 759, tờ bản đồ số 28 (bản đồ đo vẽ năm 2004), diện tích 988m^2, loại đất LUC là đúng quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013.

Tuy nhiên, sau khi nhận quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Nguyễn D không không đồng ý nên khiếu nại đối với Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND huyện về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 333330, số vào sổ CH.00788, cấp ngày 22/9/2014 cho hộ ông Nguyễn D tại thửa đất số 256, tờ bản đồ số 30, diện tích 782m^2, loại đất BHK và được Chủ tịch UBND huyện giải quyết bác khiếu nại tại Quyết định số 18639/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 là đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

Ý kiến của UBND huyện M***:***

Căn cứ hồ sơ liên quan đến vụ việc đã giải quyết trước đây và theo Thông báo số 64/2022/TLST-HC ngày 02/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, việc ông Nguyễn D yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh giải quyết hủy Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 10/9/2021; Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND huyện và Quyết định số 18639/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn D là không có cơ sở.

Tại các Văn bản số 19/BC-UBND ngày 09/02/2023, số 146/BC-UBND ngày 14/7/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã Đ ***trình bày:***

Báo cáo về nguồn gốc sử dụng đất tại thửa đất số 256, tờ bản đồ số 30, diện tích 782,0 m^2, loại đất BHK và thửa đất số 759, tờ bản đồ số 28, diện tích 988,0m^2, loại đất LUC do HTXDVNN Thạch Thang cho ông Nguyễn Dậu m để canh tác, sản xuất, như sau:

- Về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất tại thửa đất số 256, tờ bản đồ số 30, diện tích 782,0m^2, loại đất BHK:

Năm 1992, ông Nguyễn D cưới bà Võ Thị H1 nhập khẩu về thôn T, xã Đ. Đến năm 1993 thực hiện Nghị định 64/CP, Nhà nước cân đối giao đất sản xuất nông nghiệp cho hộ gia đình bà H1 (bà H1 đứng tên chủ hộ), trong đó có khẩu của ông Nguyễn D được nhận đất. Thời điểm giao đất con riêng (tức vợ trước) của ông D chưa nhập khẩu về thôn T nên không có hộ khẩu và không được cân đối giao đất; xét thấy hộ bà Nguyễn Thị H4 đông người sinh sống trong hộ nên HTXNN Thạch Thang cho mượn 02 thửa đất công ích để sản xuất, gồm 01 thửa đất màu (BHK) và 01 thửa đất lúa (LUC). Theo sổ bộ thu hiện nay của HTX D4 đang lưu trữ, như sau: Đất trồng cây hàng năm khác (BHK): 4,02 sào, xứ đồng R (giao theo Nghị định 64/CP) và 1,02 sào, xứ đồng Rẫy (đất mượn), hiện nay tại thửa đất số 256, diện tích 782,0m^2, tờ bản đồ số 30 (theo bản đồ đo đạc mới năm 2004). Đến năm 2004, thực hiện dự án đa dạng hóa nông nghiệp phát triển nông thôn, đo đạc lại bản đồ trên địa bàn xã, hộ bà Võ Thị H1 đi kê khai và

được UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18/10/2005, cụ thể như sau:

+ Thửa đất số 1218, tờ bản đồ số 28, diện tích 617,0m^2, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 105630, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H.07014, do UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18/10/2005).

+ Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.064,0m^2, mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 105632, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H.07016, do UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18/10/2005).

+ Thửa đất số 329, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.123,0m^2, mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 105633, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H.07017, do UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18/10/2005).

Sau khi giao đất cho hộ bà Võ Thị H1 vào năm 1993, HTXNN Thạch Thang xét thấy gia đình vợ chồng ông Nguyễn D đông người sinh sống trong hộ nên mới thống nhất cho hộ ông Nguyễn D mượn một thửa đất công ích để canh tác sản xuất hoa màu, với diện tích 1,02 sào (theo sổ bộ thu của HTX D4). Đến năm 2013, ông Nguyễn D đứng tên chủ hộ kê khai, đăng ký để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nguồn gốc là đất được nhà nước giao theo Nghị định 64/CP và được UBND xã xác nhận, do đó ông Nguyễn D được UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 22/9/2014, tại số phát hành BV 333330, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH.00788 thuộc thửa đất số 256, tờ bản đồ số 30, diện tích 782,0m^2, với mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác.

Đến năm 2017, thực hiện chủ trương dồn điền, đổi thửa tại khu dân cư số 26, thôn T, hộ bà Võ Thị H1 được dồn 02 thửa (thửa đất số 152, 329, tờ bản đồ số 30) thành một thửa, với tổng diện tích 2066m^2, diện tích còn lại được giao là 1.873,0m^2, thuộc lô số 4 (diện tích này đã trừ làm đường giao thông 103m^2 và thu hồi làm kênh nước nổi 90m^2) và được chia đất ở vị trí khác.

Qua kiểm tra, rà soát về nguồn gốc sử dụng đất tại thửa đất số 256, tờ bản đồ số 30, diện tích 782,0m^2 hiện nay bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng để thi công tuyến đường nội vùng phục vụ sản xuất nông nghiệp xã Đ. UBND xã Đ phát hiện trong thời điểm kê khai cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2014, UBND xã Đ xác nhận nguồn gốc có sự nhầm lẫn không đúng nguồn gốc sử dụng. Đối chiếu với sổ bộ thu của HTX D4 và kiểm tra hiện trạng thực tế thì diện tích thửa đất này là đất công ích của UBND xã đang quản lý, cho hộ ông Nguyễn Dậu m để canh tác, sản xuất và không thuộc diện cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ cho hộ ông Nguyễn D. Do đó, thửa đất nêu trên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn D là không phù hợp, không đúng với nguồn gốc sử dụng đất, trái với quy định của pháp luật.

- Về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất tại thửa đất số 759, tờ bản đồ số 28, diện tích 988,0m^2, loại đất LUC:

Năm 1992, ông Nguyễn D cưới bà Võ Thị H1 nhập khẩu về thôn T, xã Đ. Đến năm 1993 thực hiện Nghị định 64/CP, Nhà nước cân đối giao đất sản xuất nông nghiệp cho hộ gia đình bà H1 (bà H1 đứng tên chủ hộ), trong đó có khẩu của ông Nguyễn D được nhận đất. Thời điểm giao đất con riêng (vợ trước) của ông D chưa nhập khẩu về thôn T nên không có hộ khẩu nên không được cân đối giao đất, xét thấy hộ bà Nguyễn Thị H4 đông người sinh sống trong hộ nên HTXNN Thạch Thang cho mượn 02 thửa đất công ích để sản xuất, gồm 01 thửa đất màu (BHK) và 01 thửa đất lúa (LUC). Theo sổ bộ thu hiện nay của HTX D4 đang lưu trữ, như sau: Đất trồng lúa (LUC): 1,00 sào, xứ đồng Ông G; 1,05 sào, xứ đồng Ao P1 (giao theo Nghị định 64/CP); và 1,00 sào, xứ đồng Cát (đất mượn), hiện nay tại thửa đất số 759, diện tích 988,0m^2, tờ bản đồ số 28 (theo bản đồ đo đạc mới năm 2004).

- Đến năm 2014, hộ ông Nguyễn D đi kê khai, đăng ký cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ thị 1474/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 24/8/2011 về thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để chấn chỉnh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. Hộ ông Nguyễn D viết đơn kê khai thửa đất với nguồn gốc là đất được Nhà nước giao theo Nghị định 64/CP và được UBND xã xác nhận, do đó ông Nguyễn D được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 333331, số vào sổ: CH.00789, cấp ngày 22/9/2014, do UBND huyện M cấp. Tại thửa đất số 759, diện tích 988,0m^2, tờ bản đồ số 28 (theo bản đồ đo đạc mới năm 2004) của bộ địa chính xã Đ. Mục đích sử dụng: Đất trồng lúa (LUC).

Qua kiểm tra, rà soát về nguồn gốc sử dụng đất thửa đất nêu trên thì UBND xã Đ phát hiện trong thời điểm kê khai cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2014, UBND xã Đ xác nhận nguồn gốc có sự nhầm lẫn không đúng nguồn gốc sử dụng. Đối chiếu với sổ bộ thu của HTX D4 và kiểm tra hiện trạng thực tế thì diện tích thửa đất này là đất công ích của UBND xã đang quản lý, cho hộ ông Nguyễn Dậu m để canh tác, sản xuất và không thuộc diện cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ cho hộ ông Nguyễn D. Do đó, thửa đất nêu trên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn D là không phù hợp, không đúng với nguồn gốc sử dụng đất, trái với quy định của pháp luật.

- Theo quy định tại thời điểm chia đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ tại thôn T: Hộ gia đình có từ 04-05 nhân khẩu, thì được chia đất như sau: đất lúa (LUC) được chia là 2,05 sào; đất màu (BHK) chia là 4,02 sào.

+ Năm 1991 ông Nguyễn D, sinh năm: 1953 ở thôn L chuyển đến hộ của bà Võ Thị H1, sinh năm: 1958 ở Khu dân cư B, thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Tại thời điểm năm 1992 thôn T chốt để chia ruộng, đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, hộ bà Võ Thị H1 gồm có 05 nhân khẩu, như sau: Bà:

Võ Thị H1, bà: Nguyễn Thị Ngọc D1, ông: N, ông: Nguyễn Phước H2, ông: Nguyễn Phước T.

Như vậy đối chiếu với quy định trên thì hộ gia đình bà Võ Thị H1 được giao đất để sản xuất nông nghiệp đủ với định suất theo quy định tại thôn T, xã Đ.

- Đến ngày 08/11/1993 thì có 04 nhân khẩu là con đẻ của ông Nguyễn D, cụ thể: bà Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị Kim Đ, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Thị Diễm P đều chuyển về hộ của bà Võ Thị H1 ở khu dân cư B, thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Như vậy, tại thời điểm năm 1993 hộ có 09 nhân khẩu, như sau: Ông: Nguyễn D, bà Võ Thị H1 (Chủ hộ), bà: Nguyễn Thị Ngọc D1, bà: Nguyễn Thị H3, bà: Nguyễn Thị Kim Đ, bà: Nguyễn Thị Kim N, bà: Nguyễn Thị Diễm P, ông: Nguyễn Phước H2, ông: Nguyễn Phước T.

- Sau một thời gian chia đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ cho hộ gia đình để canh tác, sản xuất nông nghiệp. Gia đình ông Nguyễn D có nhu cầu đất để sản xuất nên làm đơn gửi cho HTX. HTXNN Thạch Thang xét thấy hộ gia đình ông Nguyễn D đông nhân khẩu; do đó vào năm 2000, HTX cho hộ gia đình ông Nguyễn Dậu m tại 02 thửa đất nêu trên để canh tác, sản xuất. HTX chỉ ghi chú trong sổ bộ để quản lý tại vị trí diện tích thửa đất mà HTX cho mượn, nhưng không xác lập bằng văn bản.

- Sau khi UBND xã phát hiện 02 thửa đất công ích nêu trên được UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn D. UBND xã đã lập thủ tục đề nghị UBND huyện thu hồi 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Vì hiện nay ông Nguyễn D đang khởi kiện vụ án đến Tòa án tỉnh, do đó UBND xã chờ kết quả giải quyết của Tòa án. Sau khi có bản án của Tòa án, UBND xã sẽ tổ chức công khai và lập thủ tục hợp đồng cho thuê theo quy định.

Căn cứ nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất và hồ sơ liên quan đến vụ việc đã giải quyết trước đây, việc ông Nguyễn D yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết hủy Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 10/9/2021; Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND huyện về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn D và Quyết định số 18639/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn D là không có cơ sở.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H1***, chị*** Nguyễn Thị Ngọc D1***, chị*** Nguyễn Thị H3***, chị*** Nguyễn Thị Kim Đ***, chị*** Nguyễn Thị Kim N***, chị*** Nguyễn Thị Diễm P***, anh*** Nguyễn Phước H2***, anh*** Nguyễn Phước T ***cùng có ý kiến:*** thống nhất như nội dung của ông Nguyễn D trình bày.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2023/HC-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; Điều 18, 27, 29, 30, 31 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 106 của Luật

đất đai; khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai; điểm c khoản 26, Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn D về:

- Hủy quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND huyện M về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 333330, số vào sổ CH.00788, cấp ngày 22/9/2014 cho hộ ông Nguyễn D.

- Hủy quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND huyện M về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 333331, số vào sổ CH.00789, cấp ngày 22/9/2014 cho hộ ông Nguyễn D.

- Hủy quyết định số 18639/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn D.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 11/8/2023 người khởi kiện là ông Nguyễn D có đơn kháng cáo và đơn kháng cáo bổ sung với nội dung: kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người khởi kiện là ông Nguyễn D vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nêu quan điểm giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn D thì thấy:

[1] Ngày 22/8/2022, ngày 14/10/2022 và ngày 23/11/2022 ông Nguyễn D có đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết: hủy quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND huyện M về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 333330, số vào sổ CH.00788, cấp

ngày 22/9/2014 cho hộ ông Nguyễn D; hủy quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND huyện M về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 333331, số vào sổ CH.00789, cấp ngày 22/9/2014 cho hộ ông Nguyễn D; hủy quyết định số 18639/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn D. Các quyết định hành chính này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Nguyễn D nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

[2] Xem xét tính hợp pháp của các quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 10/9/2021; Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND huyện M thấy:

[2.1] Trên cơ sở đề nghị của UBND xã Đ tại Tờ trình số 180/TTr-UBND ngày 06/7/2021, kiến nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M tại Báo cáo số 87/BC-TNMT ngày 26/7/2021; UBND huyện M ban hành Thông báo số 675/TB-UBND ngày 29/8/2021, Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 10/9/2021về việc thu hồi GCNQSD đất số phát hành BV 333330, số vào sổ CH 00788, cấp ngày 22/9/2014, thửa đất số 256, tờ bản đồ số 30, xã Đ của hộ ông Nguyễn D và căn cứ tại Tờ trình số 295/TTr-UBND ngày 15/9/2021 của UBND xã Đ, Tờ trình số 211/TTr-TNMT ngày 28/9/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M, UBND huyện M ban hành Thông báo số 763/TB-UBND ngày 05/10/2021, Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 về việc thu hồi GCNQSD đất số phát hành BV 333331, số vào sổ CH 00789, cấp ngày 22/9/2014, thửa đất số 759, tờ bản đồ số 28, xã Đ của hộ ông Nguyễn D.

Như vậy, đối với các Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 và Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND huyện M ban hành nêu trên là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai; điểm c khoản 26, Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

[2.2] Về căn cứ ban hành các Quyết định thu hồi GCNQSD đất:

Năm 1992, ông Nguyễn D kết hôn với bà Võ Thị H1 và nhập khẩu vào hộ bà Võ Thị H1 tại thôn T, xã Đ; năm 1993 thực hiện Nghị định 64/CP tại thôn T, Nhà nước cân đối giao đất cho hộ bà Võ Thị H1, trong đó có khẩu của ông Nguyễn D nhận đất, thời điểm cân đối giao đất, các con riêng của ông Nguyễn D là Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị Kim Đ, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Thị Diễm P chưa nhập khẩu vào hộ bà Võ Thị H1. Sau khi chốt nhân khẩu để cân đối giao đất theo Nghị định 64 (đầu năm 1993), ngày 08/11/1993, ông Nguyễn D chuyển 04 con riêng của ông gồm: Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị Kim Đ, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Thị Diễm P về nhập chung khẩu của bà Võ Thị H1. Cũng tại

thời điểm này Hợp tác xã N4 xét thấy hộ bà Võ Thị H1 đông khẩu nên cho mượn hai thửa đất công ích để sản xuất, gồm 01 thửa đất màu (BHK), 1,02 sào xứ đồng Rẫy và 01 thửa đất lúa (LUC), 1,00 sào xứ đồng Cát (các bút lục 343, 354).

Năm 2004, thực hiện dự án đa dạng hoá nông thôn, hộ bà Võ Thị H1 kê khai và được UBND huyện M cấp GCNQSD đất đối với 04 thửa đất: Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 30; thửa đất số 329, tờ bản đồ số 30; thửa đất số 1218, tờ bản đồ số 28 và thửa đất số 888, tờ bản đồ số 28, cùng địa chỉ thôn T, xã Đ. Ngày 09/4/2013, ông Nguyễn D đứng tên đăng ký kê khai, đề nghị cấp GCNQSD đất đối với hai thửa đất công ích do HTXNN Thạch Thang cho hộ bà Võ Thị H1 mượn để sản xuất, gồm thửa đất màu (BHK), diện tích 1,02 sào xứ Đồng Rẫy và thửa đất lúa (LUC), diện tích 1,00 sào xứ Đồng Cát nhưng ghi nguồn gốc đất "được Nhà nước giao theo Nghị định 64/CP" (bút lục 276, 291). Trên cơ sở đó, ngày 22/9/2014, UBND huyện M đã cấp cho hộ ông Nguyễn D 02 GCNQSD đất: số phát hành 333330, số vào sổ CH00788 tại thửa đất 256, tờ bản đồ số 30 và số phát hành 333331, số vào sổ CH00789 tại thửa đất 759, tờ bản đồ số 28, cùng địa chỉ thôn T, xã Đ (bút lục B, 275). Đến năm 2019, thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nội vùng phục vụ sản xuất nông nghiệp xã Đ được Chủ tịch UBND huyện M phê duyệt tại Quyết định số 3778/QĐ-UBND ngày 03/9/2019. Ngày 15/3/2021, ông Nguyễn D yêu cầu Trung tâm phát triển quỹ đất huyện M giải quyết tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Tại Biên bản làm việc ngày 14/4/2021 (bút lục 239), giữa Trung tâm phát triển quỹ đất huyện M và các thành phần có liên quan, trong đó có ông Nguyễn D xử lý vướng mắc liên quan đến các thửa đất được cấp GCNQSD đất không đúng nguồn gốc đất.

Ngày 14/4/2021, UBND xã Đ đã tiến hành xác minh, kiểm tra nguồn gốc hai thửa đất 256, tờ bản đồ số 30 và thửa đất 759, tờ bản đồ số 28, cùng địa chỉ thôn T, xã Đ được UBND huyện M cấp GCNQSD đất cho hộ ông Nguyễn D. Tại Báo cáo số 70/BC-UBND ngày 11/5/2021, số 97/BC-UBND ngày 06/7/2021, và số 99/BC-UBND ngày 07/7/2021 của UBND xã Đ đều trình bày: "…Qua kiểm tra, rà soát về nguồn gốc sử dụng hai thửa đất nêu trên thì UBND xã Đ phát hiện trong thời gian kê khai cấp mới GCNQSD đất vào năm 2014, UBND xã Đ xác nhận nguồn gốc là có sự nhầm lẫn không đúng nguồn gốc sử dụng. Đối chiếu sổ bộ thu của HTX D4 và kiểm tra hiện trạng thực tế thì diện tích hai thửa đất này là đất công ích của UBND xã quản lý, cho hộ ông Nguyễn D mượn canh tác, sản xuất và không thuộc diện cân đối giao theo Nghị định 64/CP của Chính phủ cho ông Nguyễn D…".

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn D trình bày: thời điểm cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP, gia đình ông có tổng cộng là 09 khẩu, ông là người ở thôn L, xã Đ nhập khẩu vào hộ của bà Võ Thị H1 tại thôn T, xã Đ nên gia đình ông vẫn được giao hai thửa đất nêu trên và được cấp GCNQSD đất là đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ Công văn số 317/CV-CAX ngày 06/5/2022 của Công an xã Đ về trả lời yêu cầu xác minh liên quan đến hộ ông Nguyễn D thì thấy có thể hiện:

Năm 1991, hộ bà Võ Thị H1 có 05 khẩu gồm: bà Võ Thị H1, ông Nguyễn D, chị Nguyễn Thị Ngọc D1, anh Nguyễn Phước H2, anh Nguyễn Phước T. Đến ngày 08/11/1993, ông Nguyễn D tiếp tục nhập các khẩu: chị Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị Kim Đ, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Thị Diễm P vào chung hộ khẩu của bà Võ Thị H1. Tính đến thời điểm tháng 11/1993 hộ bà Võ Thị H1 có tổng cộng 09 nhân khẩu (bút lục 356). Tuy nhiên, vào đầu năm 1993 khi chốt nhân khẩu để cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP, và theo quy định tại thời điểm chia đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, hộ gia đình có từ 04-05 nhân khẩu thì được chia: Đất Lúa (LUC) được chia là 2,05 sào, đất màu (BHK) được chia 4,02 sào. Đối chiếu với quy định trên, hộ bà H1 cho 05 khẩu được cân đối với diện tích 4,02 sào tại xứ đồng Rẫy và đất lúa là 2,05 sào là đủ định suất. Tại đơn ngày 27/12/1993 của ông Nguyễn D, ông nêu gia đình ông có 09 nhân khẩu nhưng HTX N5 chỉ cấp ruộng 05 khẩu, còn 04 khẩu không cấp nên ông D yêu cầu UBND xã Đ giải quyết để đảm bảo đời sống, cũng tại đơn này ngày 19/01/1994, UBND xã Đ xác nhận: *"Chuyển Ban chủ nhiệm và Hội đồng giao ruộng đất của HTX xem xét trường hợp nhập về của 4 đứa con anh* Nguyễn D*, nếu con anh nhập về trước ngày HTX đã chốt diện tích – nhân khẩu để cân đối giao ruộng thì giao đủ diện tích theo tiêu chuẩn cho anh. Nếu nhập về sau thì xem xét còn ruộng thì giao, nếu thiếu thì giải quyết cho mượn 4 khẩu sau đó. Đến khi làm thủ tục trình UB huyện duyệt cấp giấy công nhận ruộng đất lâu dài giữa UB và BCN sẽ nghiên cứu sau"* (bút lục 59-60).

Đồng thời, theo tài liệu là sổ bộ thu của HTXDVNN Thạch Thang, trình bày của HTXDVNN Thạch Thang tại Công văn số 01/HTX ngày 17/3/2023 (bút lục 367), xác nhận của UBND xã Đ có cơ sở xác định, hộ bà Võ Thị H1 được HTXNN Thạch T2 cho mượn hai thửa đất công ích để sản xuất, sử dụng đến nay, gồm 01 thửa đất màu (BHK), 1,02 sào xứ đồng Rẫy và 01 thửa đất lúa (LUC), 1,00 sào xứ đồng Cát.

Mặt khác, ông Nguyễn D cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về việc trước khi ông được UBND huyện M cấp hai GCNQSD đất tại hai thửa đất 256, tờ bản đồ số 30 và thửa đất 759, tờ bản đồ số 28 vào năm 2014, ông đã đăng ký kê khai trong hồ sơ địa chính qua các thời kỳ tại xã Đ và được HTXNN Thạch Thang giao cho hộ gia đình ông.

Căn cứ vào tài liệu do các đương sự cung cấp thấy thể hiện: khi thực hiện Nghị định 64/CP trên địa bàn thôn T, xã Đ hộ bà Võ Thị H1 (vợ ông Nguyễn D) không được cân đối giao thửa đất số 256, diện tích 782,0m^2, tờ bản đồ số 30 và thửa đất số 759, diện tích 988,0m^2, tờ bản đồ số 28 (theo bản đồ đo đạc mới năm 2004) của bộ địa chính xã Đ. Vào năm 1993, khi cân đối theo Nghị định 64/CP thì diện tích còn lại (bao gồm hai thửa đất 256, 759) sau khi cân đối giao đất cho nhân dân, UBND xã đã đưa vào quỹ đất công ích để quản lý, gồm có thửa đất số 256, diện tích 782,0m^2, tờ bản đồ số 30 và thửa đất số 759, diện tích 988,0m^2, tờ bản đồ số 28 (theo bản đồ đo đạc mới năm 2004). Tại biên bản làm việc ngày 11/07/2023, các ông Huỳnh Ngọc N3 - nguyên là xóm trưởng, trưởng thôn, ông Phạm Đ1 - chủ nhiệm, kế toán, ông Nguyễn Hoàng D2 - nguyên giám đốc HTX N5 qua các thời kỳ đều xác định: hai thửa đất số 256, 759 là đất không cân đối

giao theo Nghị định 64/CP cho hộ bà Võ Thị H1 (vợ ông Nguyễn D), HTXNN Thạch Thang cho hộ bà Võ Thị H1 (vợ ông Nguyễn D) mượn 02 thửa đất nêu trên để sản xuất và hiện nay hộ ông Nguyễn D bỏ hoang đất không sử dụng.

[2.3] Với những vấn đề trên có đủ căn cứ xác định hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cấp cho hộ ông Nguyễn D không đúng nguồn gốc đất nên UBND huyện M ban hành Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn D tại thửa đất 256, tờ bản đồ số 30, xã Đ và Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn D, tại thửa đất 759, tờ bản đồ số 28, xã Đ, huyện M là đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với yêu cầu huỷ Quyết định số 18639/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn D thì thấy:

Ngày 01/10/2021, ông Nguyễn D có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 164/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn D, tại thửa đất 256, tờ bản đồ số 30, xã Đ. Sau khi thụ lý, xác minh và tiến hành tổ chức đối thoại với người khiếu nại nhưng không thành, Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định số 18639/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn D là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền được quy định tại các Điều 18, 27, 28, 29, 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; các Điều 7, 10, 12, 18, 21 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013.

Như nhận định ở phần trên, thửa đất số 256, tờ bản đồ số 30 (tờ bản đồ đo vẽ năm 2004) của xã Đ, diện tích 782m^2 loại đất BHK do HTXDVNN Thạch Thang cho gia đình ông Nguyễn Dậu m để sản xuất nông nghiệp, thuộc quỹ đất công ích (đất 5%) do UBND xã Đ quản lý. Ngày 22/9/2014, hộ ông Nguyễn D được UBND huyện M cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 256 là không đúng nguồn gốc sử dụng đất nên ngày 10/9/2021, UBND huyện M đã ban hành Quyết định số 164/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn D, tại thửa đất 256, tờ bản đồ số 30, xã Đ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định số 18639/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 không công nhận nội dung khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn D là đúng pháp luật. Ông Nguyễn D yêu cầu hủy Quyết định số 18639/QĐ-UBND trên là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy, Bản án sơ thẩm đã toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn D là đúng pháp luật. Tại phiên phúc thẩm, ông Nguyễn D kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ mới nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện

Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Do người kháng cáo bị bác kháng cáo nên người khởi kiện là ông Nguyễn D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy ông Nguyễn D là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính năm 2015;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn D, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2023/HC-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn D.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Thái